TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thơm

Bà Nguyễn Thị Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Ngọc Thanh M, sinh năm: 1993**

  Địa chỉ: 321/4, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Vũ Nhật T, sinh năm: 1996

  Địa chỉ: 90/1B, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(chị M có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn chị Hoàng Ngọc Thanh M trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tự nguyện kết hôn được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2017.

Cuộc sống chung vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, ngay từ sau khi kết hôn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xảy ra tranh cãi, nguyên nhân chủ yếu là do anh T không lo lắng làm ăn lo cho gia đình mà ham chơi và thường tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, mỗi lần đi nhậu chị M có gọi điện thoại về nhưng anh T không về, anh T chỉ nghe theo lời gia đình anh T mà không tôn trọng chị M.

Mặt khác anh T không có công ăn việc làm ổn định, mọi chi tiêu các khoản trong gia đình đều do chị M lo lắng, gánh vác nên vợ chồng còn thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình. Mỗi lần cãi nhau thì anh T lớn tiếng chửi bới, thậm chí có lần còn đánh chị M.

Từ tháng 11 năm 2020 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, chị M và con đã về nhà cha mẹ đẻ sống, kể từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai nấy làm. Cũng trong thời gian đó thì vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ nhưng anh T vẫn thường qua nhà chở con đi chơi nhưng từ khoảng tháng 1 năm 2021 khi chị M đi học và được bạn nam chở về anh T nghi ngờ cho rằng chị M không chung thủy nên có đến gia đình chị M chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị M và mẹ chị M nên từ đó đến nay anh T không đến gặp con và vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Đến nay chị M xác định không còn tình cảm với anh T, chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Vũ Nhật T.

- ***Về con chung***: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Minh T, sinh ngày: 05/5/2017. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Tạm thời chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị M làm nghề trình dược viên tại công ty ở Bình Dương – chi nhánh Đồng Nai, thu nhập trung bình hàng tháng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Mặt khác chị M còn được gia đình hỗ trợ việc chăm sóc con nên chị đủ khả năng nuôi con.

- ***Về tài sản chung:*** Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung:*** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- ***Về nợ riêng:*** Không có.

** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Vũ Nhật T trình bày:*

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Hoàng Ngọc Thanh M và anh Lê Vũ Nhật T quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng hai năm thì tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2017. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh T.

Cuộc sống chung vợ chồng đến khoảng tháng 10 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với nhau tại gia đình anh T được hai tuần thì chị M sinh con nên chuyển về nhà bố mẹ chị M sinh sống. Mỗi lần anh T đi chơi với bạn bè thì chị M về nhà chửi bới và có những lời lẽ xúc phạm đến anh T nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác chị M có biểu hiện không chung thủy, thực tế như thế nào anh T khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh. Từ tháng 6 năm 2017 vợ chồng đã không sống chung nhà với nhau, thời gian đầu thì anh T còn qua lại

chăm sóc con chung nhưng từ cuối năm 2020 đến nay thì vợ chồng không còn qua lại, không quan tâm yêu thương nhau,việc ai nấy làm.

Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết và có khuyên căn nhưng hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng vẫn không thể quay về đoàn tụ.

Nay anh T xác định đã hết tình cảm với chị M, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng anh T không đồng ý ly hôn do anh T theo đạo công giáo. Anh T đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- ***Về con chung***: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Minh T, sinh ngày: 05/5/2017. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M thì anh T đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Hiện nay anh T làm nghề sơn nước, thu nhập trung bình mỗi tháng là 8.000.000đ đến 9.000.000đ. Thực tế thu nhập như thế nào anh T khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

- ***Về tài sản chung:*** Anh Lê Vũ Nhật T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung:*** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- ***Về nợ riêng:*** Không có

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng*:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Minh T, sinh ngày: 05/5/2017 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Ngọc Thanh M khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Lê Vũ Nhật T có nơi cư trú tại: số nhà 90/1B, ấp G, xã Gia T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T,

tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Vũ Nhật T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Hoàng Ngọc Thanh M tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết kết hôn ngày 04/4/2017. Căn cứ các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Ngọc Thanh M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo trình bày của chị M và anh T mặc dù không có sự thống nhất về nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh chị đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống gia đình anh chị đã thiếu sự yêu thương, nhường nhịn và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên anh chị đã phải sống ly thân, nhiều lần anh chị đã được bố mẹ hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục.

Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng chị không thể khắc phục, giữa chị và anh T không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn do anh là người có đạo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của chị M và anh T đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng ly hôn của chị M là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[2.2] Xét về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Minh T, sinh ngày: 05/5/2017, hiện nay con chung đang sống chung cùng chị M và được chị M chăm sóc ổn định. Ý kiến của chị M và anh T thống nhất thỏa thuận về việc chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trung. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của chị M và anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị M và anh T trình bày không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của chị Hoàng Ngọc Thanh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Ngọc Thanh M và anh Lê Vũ Nhật T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Ngọc Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lê Hoàng Minh T, sinh ngày: 05/5/2017. Tạm thời chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Vũ Nhật T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003272 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;

- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất
(Quyển số 1/2002 ngày 26/8/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc